

Số: 44 /2012/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu phí đấu giá và phí tham gia đấu giá tài sản
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc xác định giá khởi điểm của tài sản Nhà nước bán đấu giá và chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 03/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá và lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá;

Căn cứ Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết số 41/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc thu phí đấu giá và phí tham gia đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 59/TTr-STP ngày 08 tháng 8 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về việc thu phí đấu giá và phí tham gia đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đối với các đối tượng nộp phí sau:

1. Đối tượng nộp phí đấu giá tài sản (phí thu của bên có tài sản đấu giá)

Tổ chức, cá nhân có tài sản bán đấu giá theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ, cụ thể đối với các loại tài sản sau:

- Tài sản để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án;

- Tài sản bảo đảm trong trường hợp pháp luật về giao dịch bảo đảm quy định phải xử lý bằng bán đấu giá; tài sản bảo đảm hợp đồng tín dụng được giao quyền cho tổ chức tín dụng xử lý thu hồi nợ.

- Tài sản nhà nước được xử lý bằng bán đấu giá theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

- Tài sản bán đấu giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân có tài sản; theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân được quyền xử lý tài sản theo thỏa thuận hoặc theo quy định pháp luật.

- Các tài sản khác phải bán đấu giá theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng nộp phí tham gia đấu giá tài sản (phí thu của bên tham gia đấu giá tài sản)

Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia đấu giá tài sản theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ phải nộp phí tham gia đấu giá tài sản (bao gồm phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất) cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp hoặc Hội đồng bán đấu giá tài sản.

Điều 2. Các trường hợp không thu phí đấu giá

- Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Tài sản là quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai, được bán đấu giá theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Đơn vị tổ chức thu phí

- Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Đồng Nai;

- Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện;

- Hội đồng bán đấu giá tài sản trong trường hợp đặc biệt;

- Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản.

Điều 4. Mức thu phí đấu giá và phí tham gia đấu giá tài sản

1. Đồng tiền thu phí: đồng Việt Nam (VNĐ).

2. Mức thu phí đấu giá tài sản

STT	Giá trị tài sản bán được của một cuộc bán đấu giá	Mức thu
1	Dưới 50 triệu đồng	5% giá trị tài sản bán được
2	Từ 50 triệu đến 01 tỷ đồng	2,5 triệu + 1,5% giá trị tài sản bán được vượt quá 50 triệu
3	Từ trên 01 tỷ đến 10 tỷ đồng	16,75 triệu + 0,2% giá trị tài sản bán được vượt quá 01 tỷ
4	Từ trên 10 tỷ đến 20 tỷ đồng	34,75 triệu + 0,15% giá trị tài sản bán được vượt quá 10 tỷ
5	Từ trên 20 tỷ đồng	49,75 triệu + 0,1% giá trị tài sản bán được vượt 20 tỷ. Tổng số phí không quá 300 triệu/cuộc đấu giá

3. Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản (bao gồm cả trường hợp bán đấu giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ Nhà nước)

STT	Giá khởi điểm của tài sản	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 20 triệu đồng trở xuống	50.000
2	Từ trên 20 triệu đến 50 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 50 triệu đến 100 triệu đồng	150.000
4	Từ trên 100 triệu đến 500 triệu đồng	200.000
5	Trên 500 triệu đồng	500.000

4. Phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất

a) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân:

STT	Giá trị quyền sử dụng đất theo giá khởi điểm	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 200 triệu đồng trở xuống	100.000
2	Từ trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
3	Từ trên 500 triệu đồng	500.000

b) Đấu giá quyền sử dụng đất khác (không thuộc trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân):

STT	Diện tích đất	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 0,5 ha trở xuống	1.000.000
2	Từ trên 0,5 ha đến 02 ha	3.000.000
3	Từ trên 02 ha đến 05 ha	4.000.000
4	Từ trên 05 ha	5.000.000

Trường hợp cuộc đấu giá không tổ chức được thì tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền sử dụng đất được hoàn lại toàn bộ tiền phí tham gia đấu giá đã nộp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến tổ chức phiên bán đấu giá.

Trường hợp cuộc đấu giá tài sản được tổ chức nhưng người đã đăng ký tham gia đấu giá không tham gia cuộc đấu giá vì bất kỳ lý do nào cũng không được hoàn lại số tiền phí tham gia đấu giá đã nộp.

Điều 5. Mức trích phí đấu giá và phí tham gia đấu giá tài sản

1. Phí đấu giá và phí tham gia đấu giá tài sản thuộc ngân sách nhà nước

a) Hội đồng bán đấu giá tài sản các cấp: Kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng bán đấu giá tài sản các cấp được đảm bảo từ nguồn thu theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15/9/2010 của Bộ Tài chính, sử dụng để trang trải các chi phí cho Hội đồng bán đấu giá tài sản theo các nội dung chi quy định tại Điều 13 Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15/9/2010 của Bộ Tài chính. Sau khi thanh toán chi phí cho việc tổ chức bán đấu giá, số tiền còn lại chưa chi hết được nộp vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp không đủ để chi theo thực tế thì Hội đồng bán đấu giá tài sản lập dự toán kinh phí bổ sung, gửi cơ quan ra quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản phê duyệt bổ sung theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 15 Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15/9/2010 của Bộ Tài chính.

Trường hợp thiếu thì ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí đó theo nguyên tắc sau:

- Khoản thu giá trị tài sản bán được thuộc điều tiết ngân sách cấp nào thì ngân sách cấp đó có trách nhiệm đảm bảo kinh phí hỗ trợ.

- Số tiền hỗ trợ là khoản chênh lệch giữa chi phí thực tế, hợp lý phục vụ cho việc tổ chức bán đấu giá (có hóa đơn, chứng từ hợp pháp) trừ đi số phí thu được.

b) Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản: Được trích để lại 60% tổng số tiền phí thu được trong kỳ để trang trải chi phí cho việc tổ chức bán đấu giá. Số còn lại 40% nộp vào ngân sách nhà nước theo đúng chương, loại, khoản, mục, tiểu mục theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Phí đấu giá và phí tham gia đấu giá tài sản không thuộc ngân sách nhà nước

Đối với Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản, số tiền phí đấu giá và phí tham gia đấu giá tài sản thu được là khoản thu của đơn vị. Doanh nghiệp thu phí có nghĩa vụ nộp thuế đối với khoản phí thu được theo quy định hiện hành.

Điều 6. Chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng và quyết toán phí

1. Chứng từ thu phí

Chứng từ thu phí do Cục Thuế Đồng Nai phát hành theo quy định tại tiết 1 (phí thuộc ngân sách Nhà nước) và tiết 2 (phí không thuộc ngân sách Nhà nước), phần A, mục IV Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí.

Các tổ chức hoạt động bán đấu giá tài sản có thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản phải lập, cấp biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí.

2. Lập dự toán và quyết toán phí đấu giá tài sản

a) Hội đồng bán đấu giá tài sản các cấp: Lập dự toán và quyết toán phí thu được theo từng loại (hoặc nhóm) tài sản đưa ra bán đấu giá.

b) Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản:

Lập dự toán thu, chi về phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước (dự toán phân khai chi tiết nội dung thu, chi đúng quy định và kèm theo thuyết minh) gửi cơ quan quản lý tài chính, cơ quan thuế cùng cấp, Kho bạc Nhà nước nơi Trung tâm mở tài khoản tạm giữ tiền phí để kiểm soát chi theo quy định.

Định kỳ cuối quý, năm Trung tâm phải lập quyết toán thu phí đấu giá tài sản gửi về cơ quan thuế, cơ quan quản lý tài chính để thẩm tra quyết toán và thông báo duyệt quyết toán. Sau khi được duyệt quyết toán, phí bán đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản chưa chi trong năm được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo quy định.

c) Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản: Thực hiện quyết toán phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản thu được với cơ quan thuế theo quy định pháp luật về thuế.

Điều 7. Công khai chế độ thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản

Tổ chức bán đấu giá tài sản phải thông báo công khai chế độ thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản tại trụ sở hoạt động hoặc tại địa điểm bán đấu giá. Địa điểm thu phí phải bố trí ở vị trí thuận tiện để đối tượng nộp phí dễ nhận biết theo quy định tại phần Đ, mục IV Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí.

Nội dung thông báo chế độ thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá gồm: Tên phí, mức thu, đối tượng nộp, các trường hợp không thu, chứng từ thu, văn bản quy định về việc thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản.

Điều 8. Giao Giám đốc Sở Tư pháp triển khai thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện, khi có sự thay đổi của pháp luật về phí đấu giá và phí tham gia đấu giá tài sản, Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 9. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 12/02/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu phí đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 10. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế Đồng Nai, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
 - Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
 - Bộ Tài chính;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
 - Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
 - Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - Chánh - Phó văn phòng;
 - Trung tâm Công báo tỉnh;
 - Lưu: VT, KT.
- @ĐiềnKT



Trần Minh Phúc